

Số: 857 /QĐ-ĐHNL-TCCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận Danh sách trúng tuyển Kỳ thi tuyển dụng
viên chức năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 06 năm 2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường về công tác cán bộ của Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế tuyển dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức được ban hành kèm theo Quyết định số 3595/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng tuyển dụng ngày 30/3/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Danh sách trúng tuyển Kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2021 của Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh (danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, trưởng các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: TCCB, HC.

Q. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
TP. HỒ CHÍ MINH
PGS. TS Huỳnh Thanh Hùng

DANH SÁCH TRƯỞNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 857/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 30 tháng 5 năm 2022)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức danh dự tuyển	Đơn vị	Bộ môn thuộc đơn vị/Vị trí việc làm theo yêu cầu tuyển dụng	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thùy Dung	28/01/93	Nữ	Giảng viên	Khoa Chăn nuôi - Thú y	BM Bệnh truyền nhiễm & Thú y cộng đồng	97,2		97,2	
2	Phạm Phúc Thịnh	16/02/96	Nam	Trợ giảng	Khoa Chăn nuôi - Thú y	Bộ môn Dinh dưỡng	90,2		90,2	
3	Nguyễn Kim Ngân	19/06/96	Nữ	Trợ giảng	Khoa Chăn nuôi - Thú y		89,2		89,2	
4	Tô Thị Hồng Phượng	09/02/91	Nữ	Trợ giảng	Khoa Chăn nuôi - Thú y		88,8		88,8	
5	Nguyễn Nhật Tân	13/09/96	Nam	Trợ giảng	Khoa Chăn nuôi - Thú y	Bộ môn Thú y lâm sàng	90		90	
6	Võ Dương Minh	11/04/97	Nam	Trợ giảng	Khoa Chăn nuôi - Thú y		96		96	
7	Nguyễn Thanh Phương	25/03/95	Nam	Giảng viên	Khoa CN Hóa học & Thực phẩm	BM CN Hóa học	81,8		81,8	
8	Bùi Phạm Thanh Hương	19/11/89	Nữ	Giảng viên	Khoa CN Hóa học & Thực phẩm	BM Hóa sinh và Dinh dưỡng người	86,8		86,8	
9	Nguyễn Phú Thương Nhân	18/01/95	Nam	Giảng viên	Khoa CN Hóa học & Thực phẩm	BM Hợp chất thiên nhiên	90,2		90,2	
10	Trần Thị Thanh Trà	28/10/98	Nữ	Trợ giảng	Khoa CN Hóa học & Thực phẩm		86,4		86,4	
11	Nguyễn Hoàng Thảo Ly	22/05/89	Nữ	Giảng viên	Khoa CN Hóa học & Thực phẩm	BM Vi sinh & PTSP	84,6		84,6	
12	Nguyễn Nhựt Long	28/08/96	Nam	Trợ giảng	Khoa Cơ khí - Công nghệ	Bộ môn Công thôn	87,6		87,6	
13	Phan Trọng Nghĩa	18/02/96	Nam	Trợ giảng	Khoa Cơ khí - Công nghệ	Bộ môn Cơ điện tử	89,4		89,4	
14	Hồ Văn Nghĩa	20/12/97	Nam	Trợ giảng	Khoa Cơ khí - Công nghệ		88		88	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức danh dự tuyển	Đơn vị	Bộ môn thuộc đơn vị/Vị trí việc làm theo yêu cầu tuyển dụng	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú
15	Lưu Thanh	Thiên	02/12/97	Nam	Trợ giảng	Khoa Cơ khí - Công nghệ	BM CN Kỹ thuật ô tô	89,2		89,2	
16	Võ Huy	Thịnh	26/09/89	Nam	Trợ giảng	Khoa Cơ khí - Công nghệ	BM Điều khiển tự động	89,6		89,6	
17	Trần Cao Thu	Thùy	08/04/85	Nữ	Chuyên viên	Khoa Công nghệ thông tin	Thư ký khoa	83,4		83,4	
18	Đặng Minh	Tiến	12/04/99	Nam	Trợ giảng	Khoa Công nghệ thông tin	Hệ thốn thông tin	94,4		94,4	
19	Nguyễn Văn	Khang	27/02/94	Nam	Giảng viên	Khoa Khoa học	Bộ môn Giáo dục Thể chất	80,1		80,1	
20	Lương Phương	Bình	12/10/92	Nam	Giảng viên	Khoa Khoa học		78,6		78,6	
21	Lê Hữu	Trình	01/02/77	Nam	Giảng viên	Khoa Khoa học	Bộ môn Hóa học	89,0		89,0	
22	Nguyễn Nhật	Hung	08/01/93	Nam	Giảng viên	Khoa Khoa học	Bộ môn Toán	89,7		89,7	
23	Lê Hoàng	Hải	29/06/91	Nam	Giảng viên	Khoa Khoa học	Bộ môn Vật lý	88,3		88,3	
24	Nguyễn Thị Vân	Anh	19/10/97	Nữ	Trợ giảng	Khoa Khoa học Sinh học	Khoa KSHS	93,60		93,60	
25	Đặng Huỳnh Thúy	Vy	06/02/99	Nữ	Trợ giảng	Khoa Khoa học Sinh học		89,40		89,40	
26	Nguyễn Thị	Quyên	25/10/87	Nữ	Giảng viên	Khoa Khoa học Sinh học	Bộ môn Sinh học ứng dụng	85,60		85,60	
27	Dương Thị Thu	Thịnh	04/07/93	Nữ	Giảng viên	Khoa Kinh tế	Bộ môn Quản trị kinh doanh	67,7		67,7	
28	Châu Anh	Vũ	22/07/92	Nam	Giảng viên	Khoa Kinh tế	Bộ môn Kế toán - Tài chính	89,6		89,6	
29	Phạm Quỳnh	Mai	10/11/93	Nữ	Giảng viên	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	Bộ môn Tiếng Anh Quản lý và Không chuyên	89,0		89,0	
30	Nguyễn Đình Như	Hà	12/06/88	Nam	Giảng viên	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm		85,4		85,4	
31	Ngô Bích	Vân	22/11/84	Nữ	Trợ giảng	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm		84,4		84,4	
32	Nguyễn Anh	Tuấn	07/12/85	Nam	Trợ giảng	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm		79,2		79,2	
33	Phạm Minh	Toàn	15/04/97	Nam	Trợ giảng	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm		77,6		77,6	

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức danh dự tuyển	Đơn vị	Bộ môn thuộc đơn vị/Vị trí việc làm theo yêu cầu tuyển dụng	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú
34	Nguyễn Thị Phi	Oanh	19/04/79	Nữ	Giảng viên	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm	Bộ môn Tiếng Anh Quản lý và Không chuyên	76,4		76,4	
35	Lý Ngọc Thu	Thảo	30/06/94	Nữ	Trợ giảng	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm		76,0		76,0	
36	Huỳnh Ngọc Thúy	An	03/02/97	Nữ	Trợ giảng	Khoa Ngoại ngữ - Sư phạm		75,0		75,0	
37	Nguyễn Cao	Kiệt	04/08/94	Nam	Giảng viên	Khoa Nông học	Bộ môn Sinh lý - Sinh hóa	79,8		79,8	
38	Huỳnh Yến	Nhi	20/08/90	Nữ	Giảng viên	Khoa QL Đất đai & Bất động sản	Bộ môn CN Địa chính	92,4		92,4	
39	Mai Xuân	Sảng	16/05/85	Nam	Giảng viên	Khoa QL Đất đai & Bất động sản	Bộ môn Quy hoạch	97,2		97,2	
40	Trần Thị	Hải	15/05/94	Nữ	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Kế toán viên	90		90	
41	Ngô Công	Hậu	06/08/94	Nam	Chuyên viên	Phòng Quản lý chất lượng	CV Đảm bảo chất lượng	95		95	
42	Lưu Thanh	Quang	24/11/88	Nam	Chuyên viên	Phòng Quản lý NCKH	Quản lý nghiên cứu khoa học	94,3		94,3	
43	Lê Đức	Chính	17/10/96	Nam	Chuyên viên	Phòng Tổ chức Cán bộ	Công tác thi đua khen thưởng, pháp chế	91,6		91,6	
44	Huỳnh Phương	Long	03/02/98	Nam	Chuyên viên	Toà soạn TC NN và Phát triển	Quản trị website, thiết kế, biên tập xuất bản	91		91	
45	Hoàng Minh	Phượng	26/05/84	Nữ	Chuyên viên	Toà soạn TC NN và Phát triển	Biên tập viên, công tác văn phòng	72		72	

Danh sách có 45 người